

Lab 03: VARIABLE LENGTH SUBNET MASK

Nhắc lại kiến thức:

IP Address Classes

Class A	1 – 127	(Network 127 is reserved for loopback and internal testing)		
		Leading bit pattern	0	00000000.00000000.00000000.00000000 Network . Host . Host . Host
Class B	128 – 191	Leading bit pattern	10	10000000.00000000.00000000.00000000 Network . Network . Host . Host
Class C	192 – 223	Leading bit pattern	110	11000000.00000000.00000000.00000000 Network . Network . Network . Host
Class D	224 – 239	(Reserved for multicast)		
Class E	240 – 255	(Reserved for experimental, used for research)		

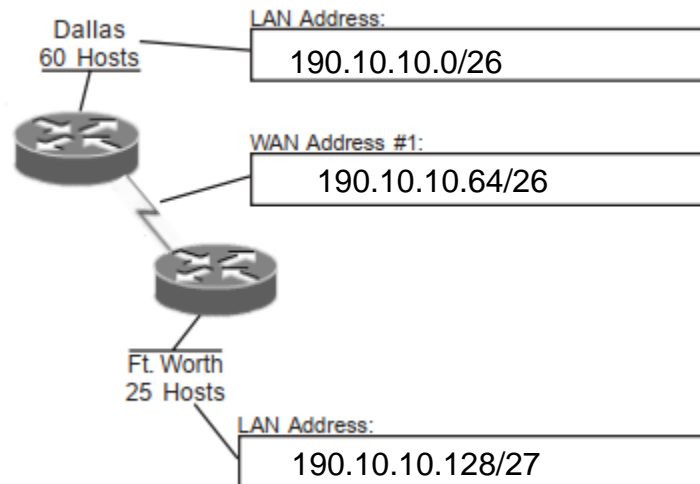
Private Address Space

Class A	10.0.0.0 to 10.255.255.255
Class B	172.16.0.0 to 172.31.255.255
Class C	192.168.0.0 to 192.168.255.255

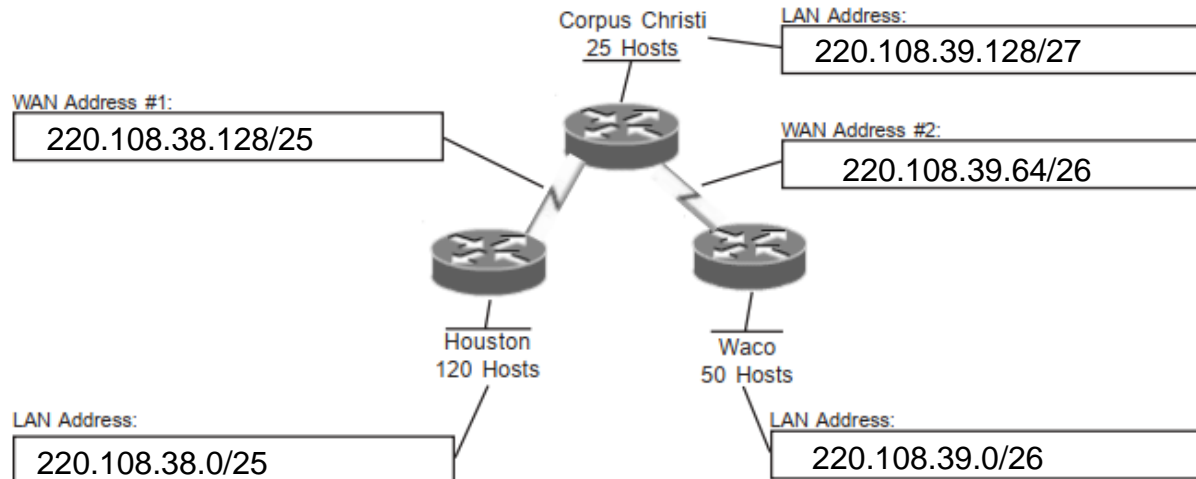
Default Subnet Masks

Class A	255.0.0.0
Class B	255.255.0.0
Class C	255.255.255.0

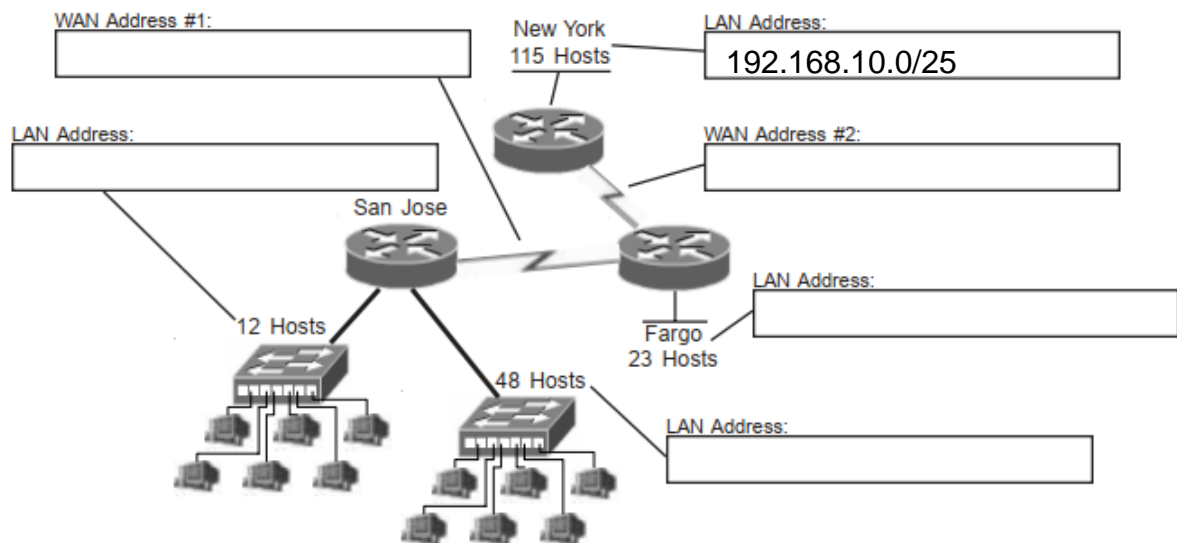
Bài tập 1: Cho địa chỉ Lớp C 190.10.10.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



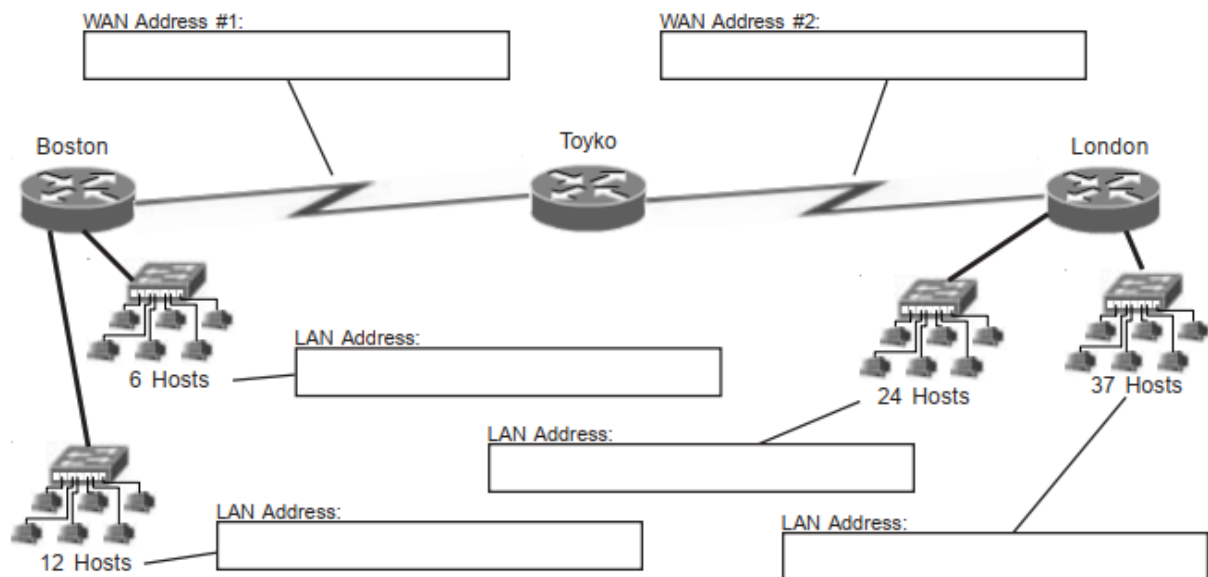
Bài tập 2: Cho địa chỉ lớp C 220.108.38.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



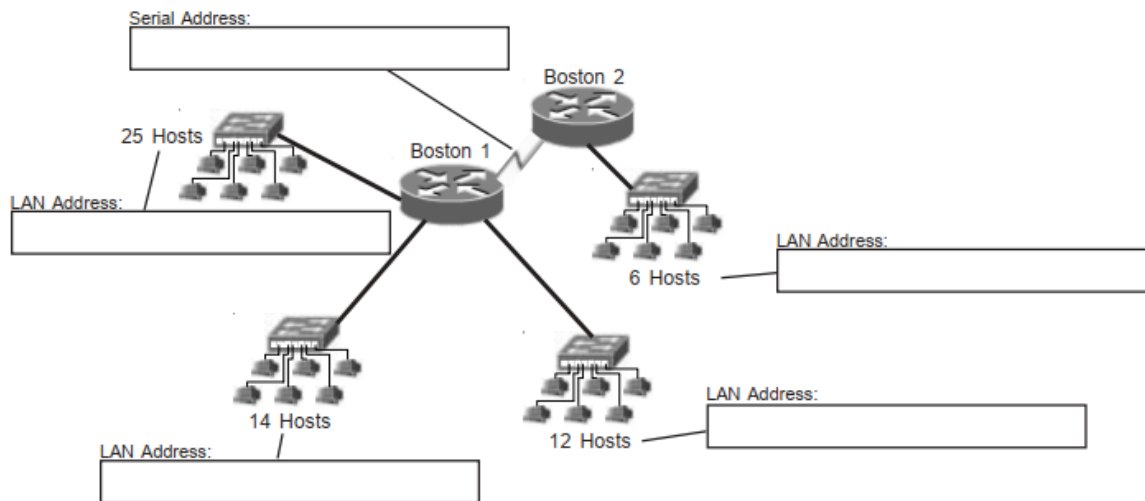
Bài tập 3: Cho địa chỉ lớp C 192.168.10.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



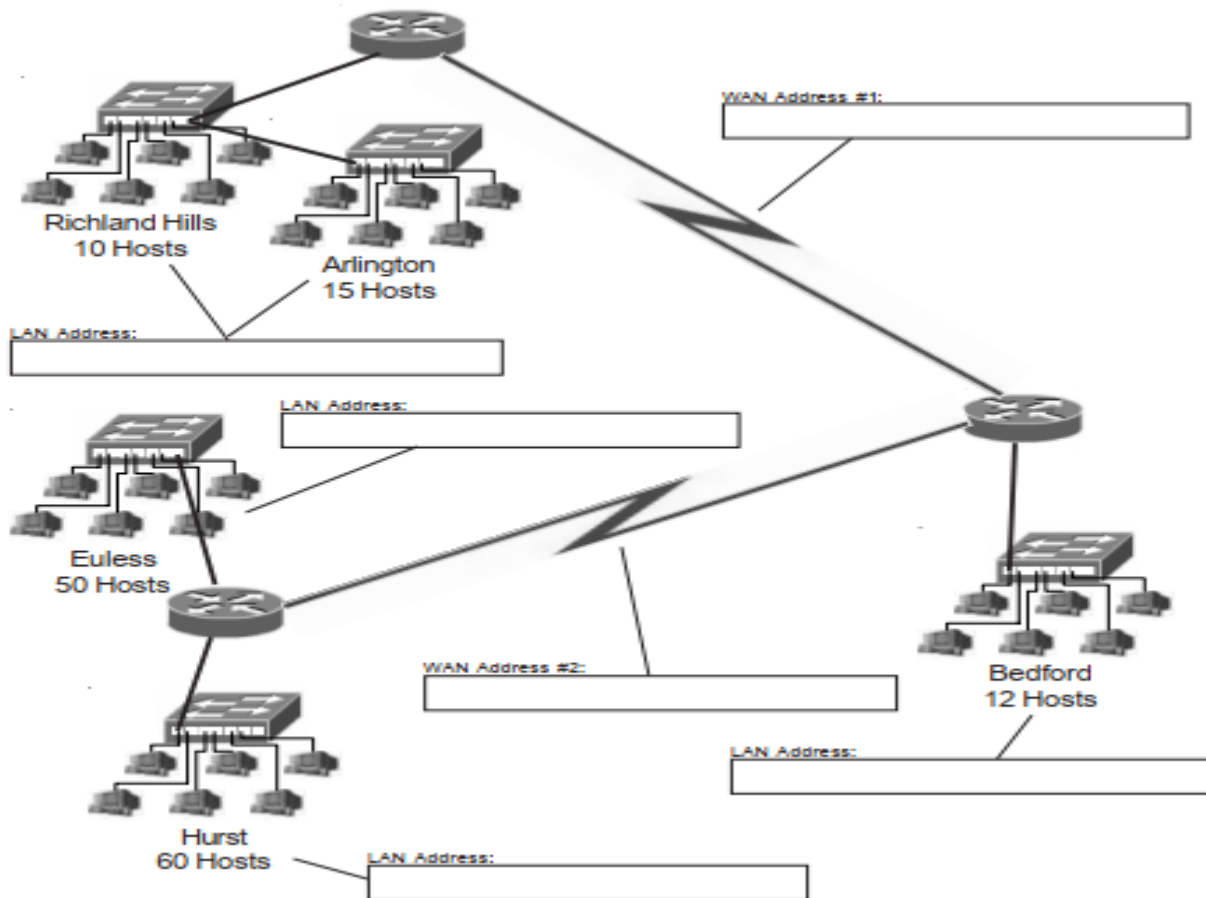
Bài tập 4: Cho địa chỉ lớp C 222.10.150.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



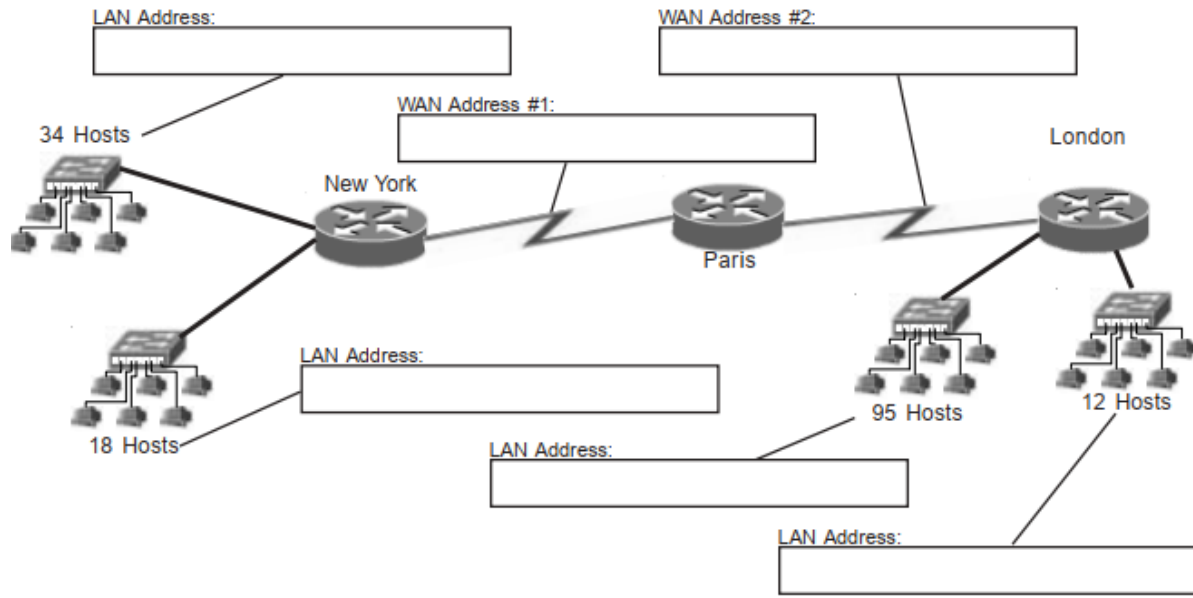
Bài tập 5: Cho địa chỉ lớp C 200.150.70.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



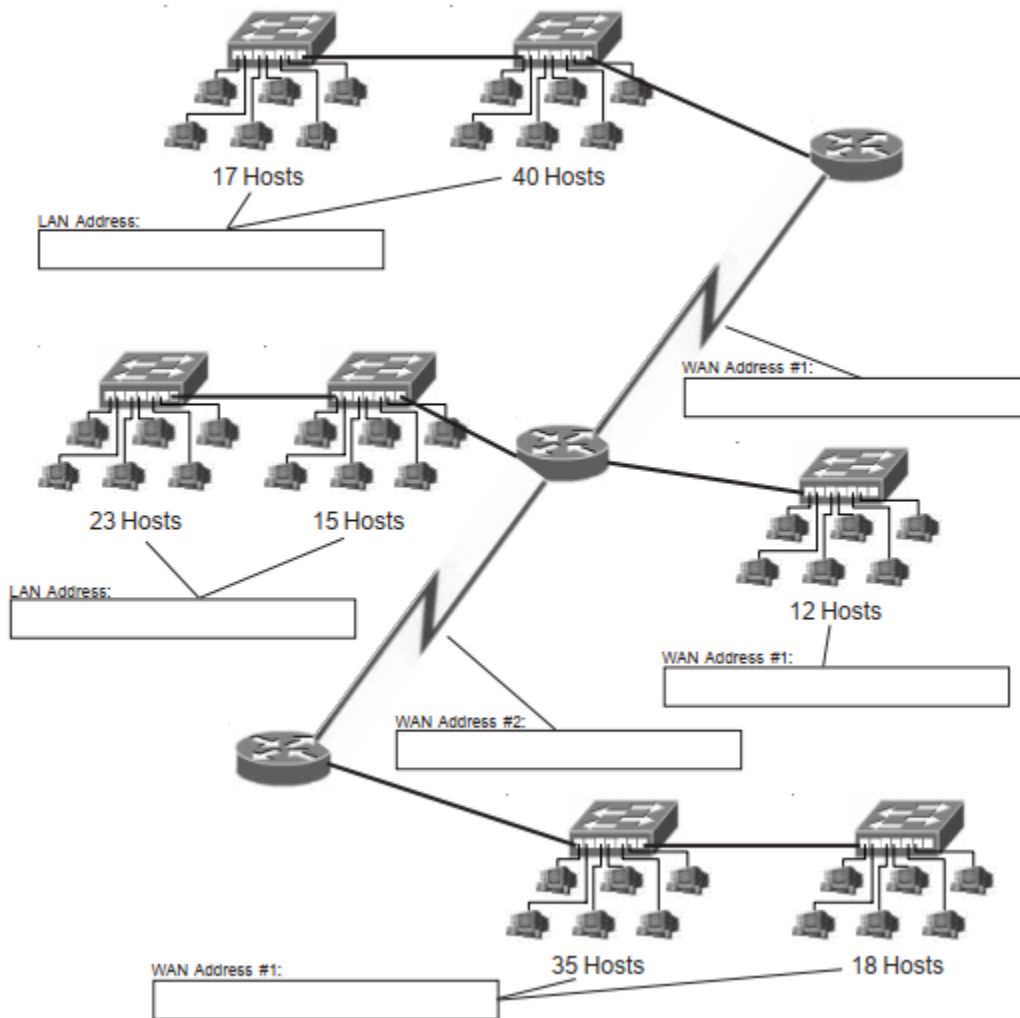
Bài tập 6: Cho địa chỉ lớp C 223.150.50.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



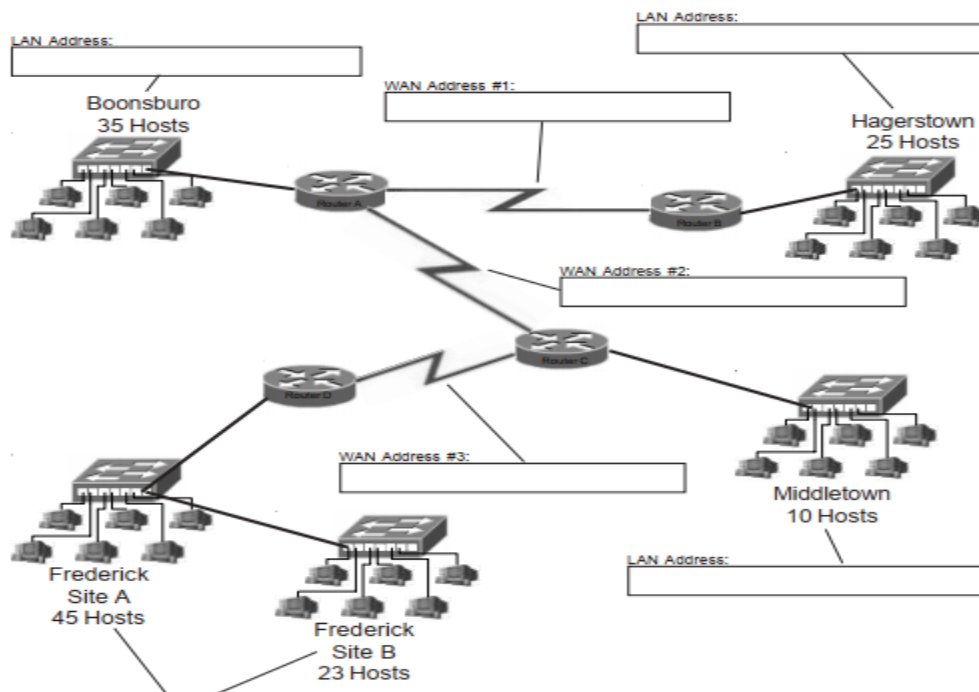
Bài tập 7: Cho địa chỉ lớp C 192.168.24.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



Bài tập 8: Cho địa chỉ lớp C 222.22.2.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



Bài tập 9: Cho địa chỉ lớp C 200.20.2.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



Bài tập 10: Cho địa chỉ 190.150.23.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.

